TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN KIẾN AN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hưởng

2. Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị T; nơi cư trú: Tổ T, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L; nơi cư trú: Tổ T, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019 chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng ngày 11/3/2019.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không chịu đi làm, thường xuyên chơi bời, cờ bạc và nghiện ngập, không vun vén cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị T đã khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không đạt kết quả mà ngày càng trầm trọng. Anh chị sống ly thân từ 02 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống chung cũng không còn hạnh phúc, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn L không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng anh L vắng mặt tại phiên hòa giải, không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không có lời khai của anh L trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị Đào Thị T và Nguyễn Văn L không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại Tổ 4 (Tổ Trương Công Định cũ), phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng ngày 11/3/2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh L phát sinh từ năm 2021 do anh L chơi bời, không chịu

làm việc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hoà, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không đạt kết quả mà ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2021 đến nay, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, thể hiện anh L không mong muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[5] Về con chung: Chị Đào Thị T và Nguyễn Văn L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Đào Thị T và Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Chị Đào Thị T và Nguyễn Văn L không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003744 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Đào Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đào Thị T, anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 11/3/2019*);*
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hải Hà

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà